

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao tại Báo cáo số 183/BC-ĐKT ngày 29 tháng 4 năm 2025 về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao;

Xét đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở Trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao của Hộ kinh doanh Phạm Thị Tuyến tại Văn bản số 05/TTr-HKD ngày 18 tháng 4 năm 2025 và hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 112/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 4 năm 2025 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Hộ kinh doanh Phạm Thị Tuyến (địa chỉ Thôn 13, xã Đăk Ruông, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao, với các nội dung như sau⁽¹⁾:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao.

⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất tại cuộc họp ngày 08 tháng 5 năm 2025.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 13, xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số 38H8.0000.53 do Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy cấp lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2017, đăng ký lại lần 2 ngày 16 tháng 11 năm 2017.

1.4. Mã số thuế: 38H8.0000.53.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi heo.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích: 40.840,1 m².

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (*Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất: 4.800 heo thịt/năm (2.400 con/lứa) và 400 heo nái.

- Tóm tắt quy trình công nghệ chăn nuôi:

+ Quy trình chăn nuôi heo nái: Lợn hậu bị qua quá trình nuôi 8 tháng đạt trọng lượng từ 80 - 120 kg sẽ chọn lựa để phối giống, những con không đạt yêu cầu sẽ đem bán. Quá trình phối giống từ 3 - 5 ngày, sau 18 - 21 ngày lợn sẽ mang thai. Thời gian lợn mang thai là 114 ngày. Lợn con sau khi sinh ra được lau chùi sạch sẽ và khoảng 3 ngày thì cắt đuôi và bấm lỗ tai để đánh số theo dõi. Heo con sau 1 tháng sẽ cai sữa và chuyển qua nuôi heo thịt/xuất bán.

+ Quy trình chăn nuôi heo thịt: Heo sau cai sữa được cách ly tại chuồng cách ly để theo dõi trước khi chuyển qua chuồng nuôi heo thịt, trọng lượng lúc này không thấp hơn 10 kg/con. Tại chuồng nuôi heo thịt, heo con được nuôi gia công để sản xuất thành heo thịt có trọng lượng từ 110 - 120 kg/con, thời gian nuôi trung bình khoảng 5 tháng cho một đợt nuôi. Sau đó giao lại cho bên Công ty Cổ phần Greenfeed Việt Nam. Khi kết thúc đợt nuôi cần phải để trống chuồng 21 ngày để làm vệ sinh sạch sẽ, sát trùng chuồng cho mỗi đợt nuôi.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ kinh doanh Phạm Thị Tuyền

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ kinh doanh Phạm Thị Tuyền có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày cấp phép).

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: Quy trình thực hiện; đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; tính trung thực, đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ cấp phép môi trường của dự án.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Chủ cơ sở (t/h);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (t/h);
- UBND huyện Kon Rẫy (t/h);
- UBND xã Đắk Ruồng (t/h);
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh (c/bố);
- Trang Thông tin điện tử Sở NN&MT (c/bố);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KTN._{HVT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 309/GPMT-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh nhà ở công nhân số 01.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh nhà ở công nhân số 02.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh nhà điều hành.
- Nguồn số 04: Nước thải chăn nuôi từ chuồng nuôi heo cách ly.
- Nguồn số 05: Nước thải chăn nuôi từ chuồng nuôi heo.
- Nguồn số 06: Nước thải chăn nuôi từ chuồng nuôi heo cai sữa.
- Nguồn số 07: Nước thải chăn nuôi từ chuồng nuôi heo đẻ.
- Nguồn số 08: Nước thải chăn nuôi từ chuồng nuôi heo nái.
- Nguồn số 09: Nước thải từ quá trình tắm heo trước khi xuất chuồng.
- Nguồn số 10: Nước thải từ máy ép phân.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe suối nhỏ ở phía Đông Bắc của Trang trại thuộc Thôn 13, xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

2.2. Vị trí xả nước thải: Nước thải từ bể khử trùng ra khe suối nhỏ ở phía Đông Bắc của Trang trại.

Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 1602067$; $Y = 572654$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $76,04 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước sau bể khử trùng sẽ theo mương xây gạch kích thước $0,4\text{m} \times 0,2\text{m} \times 10\text{m}$, độ dốc 1% ra môi trường tiếp nhận theo hình thức tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày.

2.6. Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột A với $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	ĐVT	QCVN 62-MT:2016/BTNMT Cột A (với $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	43,2		
3	COD	mg/l	108		
4	TSS	mg/l	54		
5	Tổng N	mg/l	54		
6	Coliform	MPN/100ml	3.000		

Lưu ý: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, nước thải của cơ sở chăn nuôi phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 62:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt (từ nguồn số 01 đến nguồn số 03): Sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước thải theo đường ống nhựa PVC Ø90, đầu vào vào hệ thống xử lý nước thải (Hệ thống XLNT) chăn nuôi của cơ sở.

- Nước thải chăn nuôi từ nguồn số 04 đến nguồn số 08: Theo đường ống nhựa PVC Ø200 dẫn về bể chứa phân trước khi vào Hệ thống XLNT.

- Nước thải chăn nuôi từ nguồn số 09: Theo đường ống nhựa PVC Ø63 dẫn vào Hệ thống XLNT.

- Nước thải chăn nuôi từ nguồn số 10: Theo đường ống nhựa PVC Ø200 dẫn vào Hệ thống XLNT.

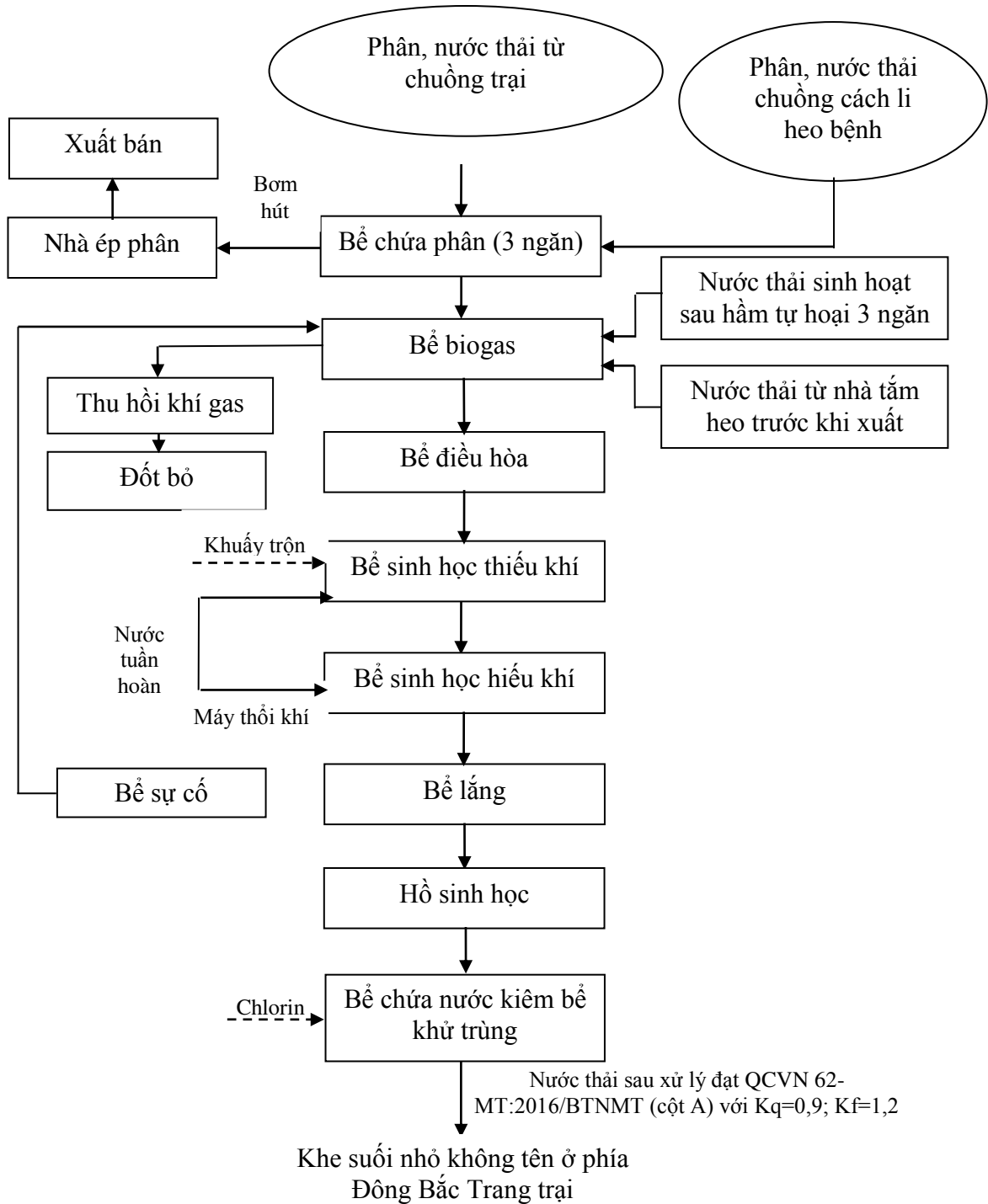
1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt

Nước thải từ các nhà vệ sinh được đưa về bể tự hoại 3 ngăn (có 03 bể, mỗi bể thể tích 3,46 m³ gồm ngăn chứa, ngăn lắng, ngăn lọc) để xử lý sơ bộ, sau đó đưa về Hệ thống XLNT của Trang trại để xử lý.

1.2.2. Nước thải chăn nuôi

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



- Công suất thiết kế: 90 m³/ngày đêm.
- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Men vi sinh đa chủng Baru và Chlorin.
- Thông số thiết kế hệ thống xử lý nước thải:

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Kích thước	Kết cấu
1	Bể chứa phân (3 ngăn)	1 Bể	10m×6m×2m	Bê tông cốt thép
2	Bể Biogas	1 Bể	27m×18,52m×5m	Hồ đắp đất, phủ và lót HDPE dày 0,5mm
3	Bể điều hòa	1 Bể	25m×14m×3m	Hồ đắp đất, lót HDPE
4	Bể sinh học thiếu khí	1 Bể	29m×20m×4m	Hồ đắp đất, lót HDPE
5	Bể sinh học hiếu khí	1 Bể	30m×19m×4m	Hồ đắp đất, lót HDPE
6	Bể lắng	1 Bể	19m×13m×4m	Hồ đắp đất, lót HDPE
7	Hồ sinh học	1 Bể	16m×12m×7m	Hồ đắp đất, lót HDPE
8	Bể chứa nước kiêm bể khử trùng	1 Bể	21m×14m×7m	Hồ đắp đất, lót HDPE
9	Bể sự cố	1 Bể	20m×18m×4m	Hồ đắp đất, lót HDPE

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Hệ thống xử lý nước thải của Trang trại không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố: Xây dựng 01 bể có thể tích khoảng 1.440 m³, lót bạt HDPE để làm hồ sự cố phòng ngừa, ứng phó sự cố cho hệ thống xử lý nước thải.

1.4.2. Biện pháp, phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường và cán bộ vận hành các hệ thống xử lý nước thải được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, ứng phó sự cố.

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố cho các hệ thống xử lý nước thải. Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình và thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị của các hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp xử lý và kịp thời ứng phó sự cố.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi gặp sự cố không thể vận hành hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, thực hiện bơm nước thải đầu vào hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn về lưu giữ tại

hồ sự cố; thực hiện sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị (nếu cần thiết). Sau khi đã khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ hồ sự cố về hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi để xử lý lại theo quy định. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi gặp sự cố nghiêm trọng và kéo dài, Chủ cơ sở báo cáo cơ quan có liên quan để được hỗ trợ giải quyết.

- Lập sổ nhật ký vận hành các hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi và sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh, đường ống thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hiệu quả xử lý của từng công đoạn xử lý, đảm bảo nước thải sau xử lý phải đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 6 tháng ngày kể từ có giấy phép môi trường (khi cơ sở thực hiện tái đàn).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào gồm 01 vị trí: Nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra gồm 01 vị trí: Miệng xả nước thải sau hệ thống xử lý (sau bể khử trùng) dẫn vào mương thoát (thoát ra Khe suối nhỏ ở phía Đông Bắc của Trang trại)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Hộ kinh doanh Phạm Thị Tuyến phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức các công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Hộ kinh doanh Phạm Thị Tuyến có trách nhiệm thực

hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Hộ kinh doanh Phạm Thị Tuyền chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 309 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI: Không thuộc đối tượng cấp phép xả khí thải

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

- Mùi hôi từ các chuồng nuôi được giảm thiểu bằng biện pháp phun chế phẩm sinh học trước khi thoát ra ngoài môi trường thông qua các quạt hút.
- Mùi hôi từ khu vực ép phân được giảm thiểu bằng biện pháp phun chế phẩm sinh học.
- Khí thải (mùi hôi) từ hồ hủy xác heo không do dịch bệnh và nhau thai giảm thiểu mùi bằng biện pháp rắc vôi và phun hóa chất khử trùng.
- Khí thải từ bể biogas được dẫn bằng đường dẫn khí đưa về nhà đốt khí gas.

1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra để ngăn chặn kịp thời sự cố vỡ, bục lớp phủ HDPE tại các bể biogas, đảm bảo không rò rỉ, phát tán khí biogas ra môi trường.
- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn khí từ bể biogas tránh rò rỉ khí gas.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và dự phòng các quạt hút, chế phẩm sinh học khử mùi hôi để phục vụ cho công tác xử lý mùi hôi phát sinh từ quá trình chăn nuôi heo.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không phải vận hành thử nghiệm vì không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải, mùi hôi phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm không phát tán mùi khó chịu ra môi trường, đồng thời chất lượng không khí tại khu vực phải đảm bảo QCVN 05:2023/BNTMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

3.2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện), nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình xử lý khí thải, biện pháp xử lý khí thải, mùi hôi.

3.4. Thực hiện thường xuyên biện pháp khử mùi hôi tại các chuồng trại trên cơ sở các máy móc, thiết bị đã lắp đặt.

3.5. Hộ kinh doanh Phạm Thị Tuyền chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả khí thải, mùi hôi không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 309/GPMT-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng. Tọa độ: X = 1602152; Y = 572578.

- Nguồn số 02: Máy móc thiết bị tại Trạm xử lý nước thải chăn nuôi. Tọa độ: X = 1602090; Y = 572506.

- Nguồn số 03: Tại khu vực chuồng nuôi heo nái. Tọa độ: X = 1602181; Y = 572411.

- Nguồn số 04: Tại khu vực chuồng nuôi heo đẻ. Tọa độ: X = 1602167; Y = 572428.

- Nguồn số 05: Tại khu vực chuồng nuôi heo cai sữa. Tọa độ: X = 1602155; Y = 572445.

- Nguồn số 06: Tại khu vực chuồng nuôi heo thịt. Tọa độ: X = 16021362; Y = 572464.

2. Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 27:2016/BYT về Rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

TT	Khu vực thông thường		Giá trị giới hạn cho phép
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	
1	70	55	QNVN 26:2010/BTNMT
2	85		QCVN 24:2016/BYT

3. Độ rung:

TT	Khu vực thông thường		Giá trị giới hạn cho phép
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	
1	70	60	QNVN 27:2010/BTNMT

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Tuân thủ quy trình chăn nuôi, đảm bảo thời gian cho heo ăn đúng giờ, đúng quy trình, không để heo đói, kêu gây ồn.
- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc để hoạt động tốt, cải tiến quy trình công nghệ theo hướng giảm tiếng ồn.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (thiết bị chống ồn) cho công nhân tại Trang trại.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A phụ lục này.
- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 309/GPMT-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã QLCT	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn như kim tiêm)	13 02 01	15
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	3
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	18 02 01	5
4	Chất thải có chứa thành phần nguy hại (Thuốc sát trùng quá hạn thải; vỏ chai, hộp đựng thuốc thú y,...)	13 02 02	11
5	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh) (không phát sinh thường xuyên)	14 02 01	320 Tấn/đợt
Tổng khối lượng (trừ heo chết do dịch bệnh)			34

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bao bì đựng cám: 114 kg/năm.
- Phân heo sau khi ép khô: 279.100 kg/năm.
- Bùn thải từ bể biogas và Hệ thống XLNT tập trung: 58.144 kg/năm.
- Nhau heo và heo chết không do dịch bệnh: 700 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 4,8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Đối với heo chết do dịch bệnh: Thực hiện các biện pháp tiêu huỷ heo theo đúng quy định tại Luật Thú y và các quy định khác có liên quan.

- Đối với các loại CTNH khác được phân loại thu gom về các thùng chứa có dán nhãn và được đặt trong nhà kho chứa CTNH. Định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

+ Kho lưu chứa: 01 kho. Diện tích: 28m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: Tường gạch xung quanh, cửa ra vào có gờ chắn nước, phía trên có mái tole che chắn mưa, gió. Bố trí biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Phân heo sau khi qua máy ép phân: Nhà ép phân có diện tích 31,19 m², kết cấu: Nền bê tông, mái lợp tole. Phân sau khi ép rất toí xốp, nhẹ, khô ráo, được trộn chế phẩm sinh học cùng với vôi bột rồi đóng bao và bán trực tiếp cho Trang trại nuôi giun quế, tần suất 01 lần/ngày, không lưu trữ tại Trang trại. Xung quanh bố trí mương thu nước dẫn về đường ống đưa về Hệ thống xử lý nước thải.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Định kỳ hàng năm được nạo vét, bơm lên máy ép phân để ép và được xử lý tương tự như với phân heo. Tại bể biogas có thiết kế ống để đặt máy bơm, hút phân về máy ép phân.

- Đối với xác heo chết cơ học do giã đập, sốc nhiệt: Được thu gom và xử lý lấp tại hầm huỷ xác. Quy trình xử lý theo quy định QCVN 01-41:2011/BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về yêu cầu vệ sinh khi tiêu huỷ động vật, sản phẩm động vật.

+ Hầm huỷ xác: 01 hố (khi lấp đầy sẽ tiến hành làm hố mới).

+ Kích thước: 1,3×9,6×1,4m.

+ Kết cấu: Đất đầm chặt lót bạt HDPE.

+ Quy trình công nghệ tự xử lý: Heo chết không do dịch bệnh → Đưa xuống hầm tiêu huỷ → Rắc vôi bột, bổ sung chế phẩm sinh học → đậy kín nắp hầm-> sau phân huỷ sử dụng làm phân bón cho cây.

- Bao bì đựng cám: Thu gom và tái sử dụng để chứa phân sau khi ép.

- Bao bì, chai lọ đựng thuốc thú y: Chứa trong kho chứa diện tích: 28 m². Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao bằng gạch, có mái che bằng tôn, nền bê tông chống thấm, định kỳ bàn giao lại cho đơn vị cung cấp ban đầu.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí 02 thùng rác có nắp đậy có thể tích 60L tại nhà điều hành, nhà ở công nhân. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí phương tiện, thiết bị, bao bì để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của chính quyền địa phương và chuyển giao toàn bộ chất thải phát sinh cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng chống sự cố cháy nổ trong quá trình vận hành hầm Biogas

- Hệ thống Biogas có thiết kế bộ phận van xả khí an toàn.

- Tuyệt đối cấm lửa, hút thuốc, các thiết bị phát sinh tia lửa điện gần khu vực hầm Biogas, không đổ các loại hóa chất xuống hầm.

- Đường ống dẫn khí từ hầm Biogas không đi qua những nơi dễ cháy nổ. Trên đường ống dẫn khí bố trí các van khoá, để đề phòng sự cố rò rỉ khí, giảm nguy cơ gây cháy nổ.

2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở đất: Thường xuyên kiểm tra và khơi thông các mương thoát nước mưa trong khu vực trang trại để nước mưa thoát nhanh chóng, tránh tình trạng ngập úng nước dễ dẫn đến nguy cơ sạt lở.

3. Phòng chống sự cố do thiên tai

- Tuân thủ các quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành.

- Vào mùa mưa bão thường xuyên cập nhật thông tin thời tiết để chủ động phòng ngừa và ứng phó kịp thời khi có thiên tai xảy ra.

4. Một số yêu cầu khác

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 309/GPMT-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

3. Trường hợp heo chết do nghi ngờ bệnh có thể lây lan (bệnh trong và ngoài danh sách các bệnh truyền nhiễm theo quy định của Luật Thú y), Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo quy định của pháp luật. Địa điểm chôn lấp heo chết trong trường hợp này phải được thực hiện tại chỗ và phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt.

5. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

7 Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

10. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, hợp lệ của các số liệu, văn bản, tài liệu trong Hồ sơ báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở./.